

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11/7/2022
V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Chu Văn Nghĩa
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Đức Hiệp và bà Đồng Thị Mây.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1974.
Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng.
2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1971.
Địa chỉ: Thôn L, Xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.
(Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

I. Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị và anh K kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 26/12/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng về quan điểm sống. Anh K thường mải chơi, rượu chè không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Mặt khác, vợ cũ của anh K thường xuyên can thiệp vào cuộc sống của hai vợ chồng chị. Gia đình anh K cũng không ủng hộ chị trong việc gìn giữ gia đình hạnh phúc dẫn đến hai bên thường xuyên xảy ra cãi cọ, lời qua tiếng lại. Do mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nên chị và anh K đã ly thân từ tháng 12/2020 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm và kinh tế. Trong thời gian ly thân, hai bên không nói chuyện gì với nhau, do đó vợ

chồng vẫn ly thân. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. *Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng chị không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

II. Quan điểm của bị đơn:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống được khoảng 5 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra vợ chồng còn phát sinh mâu thuẫn do vợ cũ của anh là chị Yến vẫn thường xuyên về thăm gia đình anh dẫn đến anh K và chị P xảy ra mâu thuẫn, anh cũng khó xử giữa hai bên nên không bên vực chị P. Do đó, chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Hải Phòng sinh sống. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2020 đến nay và không quan tâm gì đến nhau nữa. Trong quá trình vợ chồng sống ly thân anh có gọi điện cho chị P để quay về đoàn tụ nhưng chị P đồng ý. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị P xin ly hôn thì tùy chị ấy.

2. *Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng*: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng anh không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc bận, anh không đề đến Tòa án tham gia xét xử vụ án, anh đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử mặt anh.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- *Xác minh tại UBND xã Xã K, huyện K*: Chị P và anh K đăng ký kết hôn tại UBND xã Kim Liên. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị P sống ở Thôn L, xã Kim Liên. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị P có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do chị Yến (vợ cũ anh K) vẫn can thiệp vào cuộc sống của anh K, dẫn đến chị P và anh K thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau. Do mâu thuẫn xảy ra nên tháng 12/2020 chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh K, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

- *Bà Lê Thị Phẳng (là mẹ đẻ của chị P) khai*: Chị P và anh K kết hôn xong thì chung sống với nhau tại thôn Thôn L, xã K, huyện K. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị P có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, hơn thế anh K là người mải chơi bởi rượu chè, không quan tâm, tu chí làm ăn để xây dựng gia đình. Mặt khác, chị Yến (vợ cũ anh K) vẫn thường xuyên về nhà chị P để gây ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình chị P và anh K. Do mâu thuẫn xảy ra chị P và anh K có xảy ra việc cãi cọ và lời qua tiếng lại, chị P bỏ về Hải Phòng sinh sống và làm việc, hai vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì

đến nhau nữa. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh K, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị P và anh K không có con chung, tài sản chung gì.

- Bà Hứa Thị Dĩnh (mẹ đẻ anh K) khai: Sau khi kết hôn chị P và anh K chung sống với nhau tại thôn Thôn L, xã K, huyện K. Trong quá trình chung sống, chị P và anh K phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị YẾN (vợ cũ anh K) thường xuyên về nhà gây sự gây cản trở việc chung sống của anh K và chị P, dẫn đến việc chị P và anh K thường xuyên cãi cọ, lời qua tiếng lại. Do mâu thuẫn xảy ra nên tháng 12/2020 chị P đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, từ đó đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị P có đơn xin ly hôn anh K, đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt.

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, Luật hôn nhân và gia đình. Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn K. Về con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Các đương sự đều xác định trong thời kỳ hôn nhân, không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Văn K tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện; không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, lấy lời khai làm rõ mâu thuẫn vợ chồng, chị P và anh K đều xác định trong cuộc sống có mâu thuẫn, sống ly thân kéo dài, cuộc sống chung không hạnh phúc. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P về việc yêu cầu giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

[4] *Về con chung, tài sản và nợ chung vợ chồng*: Các đương sự đều xác định trong thời kỳ hôn nhân, không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P; xử*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.
- *Về con chung, tài sản và nợ chung vợ chồng*: Các đương sự đều xác định trong thời kỳ hôn nhân, không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên và không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004771 ngày 27/5/2022. Chị Nguyễn Thị P đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

- Nơi nhận:

- + VKSND huyện Kim Thành.
- + Chi cục THADS huyện Kim Thành.
- + UBND xã Xã K, huyện K.
- + Các đương sự.
- + Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa